UBND TỈNH BẾN TRE
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 562 /BC-SVHTTDL

Bến Tre, ngày 06 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
Đánh giá tác động của chính sách
(Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 75 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2017 *"Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng"*. Tại Kỳ họp thứ 11, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 quy định chính sách hỗ trợ kinh phí khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Từ khi triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng theo Nghị quyết số12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã tạo động lực, đòn bẩy, vốn mồi để các tổ chức, cá nhân cùng với nguồn lực của mình mạnh dạn đầu tư, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm, tính chuyên nghiệp góp phần tạo dựng thương hiệu, hình ảnh du lịch Bến Tre. Đặc biệt các đơn vị du lịch rất đồng tình và phấn khởi khi được hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết nêu trên nhất là trong khoảng thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

Tuy nhiên thời gian qua, Nghị quyết này chỉ áp dụng cho các đối tượng là các tổ chức, cá nhân có đầu tư khu du lịch, điểm du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) nằm trong vùng định hướng phát triển du lịch cộng đồng theo Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Căn cứ vào Chương trình nêu trên thì vùng định hướng phát triển *du lịch cộng đồng chỉ tập trung trong phạm vi xã Hưng Phong huyện Giồng Trôm và 3 xã phía Nam thành phố Bến Tre (Phú Nhuận, Nhơn Thạnh, Mỹ Thạnh An)* nên thời gian qua Nghị quyết này chỉ áp dụng cho các địa phương nêu trên còn các địa phương khác trên địa bàn tỉnh chưa được áp dụng. Vì vậy, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian quan chưa đủ rộng để đáp ứng được yêu cầu, kỳ vọng đối

với sự phát triển của ngành du lịch tỉnh nhà ở thời điểm hiện tại. Do đó, cần được tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh các loại hình, dịch vụ phục vụ cho phát triển du lịch trên địa bàn toàn tỉnh được hưởng chính sách ưu đãi, phù hợp định hướng Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030 *"phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn toàn tỉnh"*.

Đồng thời, Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy đã định hướng và xác định rõ mục tiêu: đến năm 2025 "*du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng; là một trong những điểm đến sinh thái và trải nghiệm văn hóa hàng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đối với khách quốc tế, là điểm đến nghỉ dưỡng ngắn ngày hàng đầu khu vực đối với khách trong nước*", đến năm 2030 *"du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững. Bến Tre trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, có năng lực cạnh tranh cao và thuộc nhóm dẫn đầu các địa phương trong khu vực, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển bền vững"*.

Để thực hiện đạt mục tiêu đó, tỉnh cần tập trung, tạo điều kiện và huy động nguồn lực đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển, không ngừng nâng cao và chuẩn hóa hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch trên nền tảng khai thác lợi thế tài nguyên bản địa, sinh thái sông nước xứ Dừa. Bao gồm: hoạt động lưu trú du lịch (loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, các khách sạn nghỉ dưỡng cao cấp đạt chuẩn sao…); hoạt động lữ hành (chất lượng bến bãi, phương tiện vận tải khách du lịch, mở các văn phòng đại diện du lịch tại Bến Tre để tăng số lượng và chi tiêu của khách quốc tế và nội địa khi đến với Bến Tre); hoạt động tại các điểm đến, tham quan trải nghiệm (các nhà hàng, cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; vườn cây trái hoa kiểng; dịch vụ kinh tế ban đêm…). Đồng thời, để tiếp thêm động lực phát huy nội lực của doanh nghiệp du lịch trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch địa phương tại các thị trường trong và ngoài nước; chuẩn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, trong đó chú trọng giải pháp xây dựng đội ngũ nhân viên phục vụ chuyên nghiệp, chất lượng và gắn bó lâu dài tại đơn vị.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể: nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp về chế độ, chính sách đặc thù cho các tổ chức, cá nhân đã, đang và dự kiến đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre, góp phần triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 20 tháng 7 năm 2017 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/W ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 tháng 2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030, Kế hoạch số 3706/KH-UBND ngày 03 tháng 7 tháng 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 1729/KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030; Kế hoạch số 7804/KH-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm

vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể, cá nhân được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, trực tiếp đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển các loại hình, sản phẩm, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết được xây dựng, ban hành nhằm quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030. Thông qua việc hỗ trợ nhằm tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư, phát triển sản phẩm phục vụ khách du lịch, nâng tầm quy mô hoạt động, góp phần khẳng định vị thế ngành du lịch tỉnh Bến Tre so với các tỉnh, thành phố trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực và trên cả nước.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hỗ trợ kinh phí khuyến khích đầu tư, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị phát triển loại hình Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (khách lưu trú và cùng sinh hoạt với gia đình chủ nhà)

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

Trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời, hiện nay, loại hình du lịch cộng đồng Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay) do người dân tự đầu tư xây dựng, với số vốn ít ỏi người dân không đủ để đầu tư xây dựng phòng đạt chuẩn. Do đó, việc hỗ trợ kinh phí để mua sắm trang thiết bị, tiện nghi, thiết kế kiến trúc phục vụ khách là điều kiện rất cần thiết giúp người dân cùng với tài sản hiện có của mình (vườn, đất, nhà ở…) để đầu tư xây dựng loại hình du lịch cộng đồng Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) đạt chuẩn.

Đối tượng được hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh là các tổ chức, cá nhân có đầu tư khu du lịch, điểm du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay) trên địa bàn tỉnh nằm trong vùng định hướng phát triển du lịch cộng đồng theo Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Theo đó, vùng định hướng phát triển ***du lịch cộng đồng trên địa bàn 3 xã (Phú Nhuận, Nhơn Thạnh, Mỹ Thạnh An) thành phố Bến Tre và xã Hưng Phong huyện Giồng Trôm.*** Qua 02 năm triển khai thực hiện, đến nay đã hỗ trợ 6 homestay trên địa bàn Thành phố Bến Tre với tổng số tiền 290 triệu đồng.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Việc xây dựng chính sách nhằm mở rộng phạm vi và đối tượng được thụ hưởng chính sách (so với Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm

2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh). Từ đó, phát huy kết quả đạt được và để tiếp tục thực hiện đạt kết quả Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 20 tháng 7 năm 2017 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/W ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030, Kế hoạch số 3706/KH-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 năm 2021; Kế hoạch số 1729/KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Hỗ trợ trực tiếp 1 lần/cơ sở, mức hỗ trợ tối đa như sau:

- Đối với việc nâng cấp, mua sắm trang thiết bị:

+ Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 10 khách đến dưới 20 khách/ngày: 20 triệu đồng/cơ sở

+ Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 20 khách đến dưới 30 khách/ngày: 30 triệu đồng/cơ sở

+ Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 30 khách trở lên/ngày: 45 triệu đồng/cơ sở

- Đối với đầu tư xây mới:

+ Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 10 khách đến dưới 20 khách/ngày: 200 triệu đồng/cơ sở

+ Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 20 khách đến dưới 30 khách/ngày: 300 triệu đồng/cơ sở

+ Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 30 khách trở lên/ngày: 450 triệu đồng/cơ sở

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

Chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh (loại hình Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê và căn hộ du lịch) được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư, nâng cấp và phát triển sản phẩm phục vụ khách du lịch; góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề):

Thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí đầu tư, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị phục vụ loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay) và căn hộ du lịch thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chính sách 2: Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

2.1. Xác định vấn đề bất cập: trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Khách du lịch quan tâm không chỉ là sự thu hút của cảnh đẹp, mức độ trật tự an ninh mà còn là vấn đề vệ sinh tại điểm đến. Vì vậy, nhà vệ sinh có ảnh hưởng nhất định đến chất lượng, hình ảnh của điểm đến du lịch trong suy nghĩ của du khách. Tuy nhiên, phần lớn tại các điểm tham quan, phục vụ khách du lịch đều có công trình vệ sinh công cộng chưa đảm bảo điều kiện về trang thiết bị, về thiết kế cũng như thẩm mỹ, gây ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và sự phát triển bền vững của du lịch.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: nâng cấp hoặc xây dựng mới nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn[1] phục vụ khách du lịch tại các khu, điểm du lịch. Từng lúc động viên, khuyến khích các điểm dừng chân, các địa điểm phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh được công nhận khu du lịch cấp tỉnh, điểm du lịch, cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định Luật Du lịch 2017.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa:

+ Nâng cấp:

a) Tại khu du lịch: 60 triệu đồng/nhà vệ sinh
b) Tại điểm du lịch: 40 triệu đồng/nhà vệ sinh

+ Xây mới:

a) Tại khu du lịch: 200 triệu đồng/nhà vệ sinh

b) Tại điểm du lịch: 100 triệu đồng/nhà vệ sinh

2.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh (khu du lịch, điểm du lịch) được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư, nâng cấp và phát triển sản phẩm phục vụ khách du lịch; góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

---

[1] Ngày 08/5/2012, Tổng Cục Du lịch ban hành Quyết định số 225/QĐ-TCDL ban hành quy định tạm thời về tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch

3. Chính sách 3: Hỗ trợ kinh phí nâng cấp, xây dựng cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Thực tế, phần lớn khách du lịch đến Bến Te thích đến tham quan, trải nghiệm, thưởng thức ẩm thực địa phương. Dù vậy, nhưng khi sử dụng các dịch vụ, khách đặt yêu cầu khá cao, các sản phẩm dịch vụ phải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo an toàn tuyệt đối. Tuy nhiên, số lượng cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đươc công nhận theo Luật Du lịch trên địa bàn tỉnh hiện nay còn rất ít (4 cơ sở/tổng số khoảng 140 cơ sở ăn uống), chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội nói chung, ngành du lịch tỉnh Bến Tre nói riêng.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở ăn uống nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- Hỗ trợ kinh phí để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây mới các cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

- Nâng cao chất lượng dịch vụ ăn uống phục vụ khách du lịch, góp phần giới thiệu, quảng bá và mang ẩm thực xứ dừa đến với du khách gần xa.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa:

a) Xây mới: hỗ trợ 10%/ tổng mức đầu tư cơ sở (không quá 100 triệu đồng/ cơ sở)

b) Nâng cấp: hỗ trợ 10%/ tổng mức nâng cấp cơ sở (không quá 50 triệu đồng/cơ sở)

3.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh (các cơ sở ăn uống, nhà hàng) được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư, nâng cấp và phát triển sản phẩm phục vụ khách du lịch; góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí xây dựng, nâng cấp nhà hàng, cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chính sách 4: Hỗ trợ kinh phí mở chi nhánh hoặc văn phòng giao dịch của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành

4.1. Xác định vấn đề bất cập: trên địa bàn tỉnh hiện có 31 doanh nghiệp lữ hành được cấp phép (10 lữ hành quốc tế và 21 lữ hành nội địa), chỉ có 02 chi nhánh của Saigontourist Group và Công ty TNHH Du lịch Miền Quê. Ngoài ra, chưa có chi nhánh hay văn phòng của các công ty lữ hành tại các thành phố lớn được nhiều du khách tin tưởng và lựa chọn cho hành trình du lịch. Phần lớn, lượng khách từ các công ty lữ hành này đưa về Bến Tre chủ yếu là tham quan, trải nghiệm trong ngày, chưa lưu trú nhiều tại Bến Tre. Do đó, việc ban hành chính sách nhằm tạo điều kiện thu hút các Công ty lữ hành mở chi nhánh hoặc văn phòng gaio dịch tại Bến Tre để phân bổ nguồn khách mục tiêu đến lưu trú tại Bến Tre nhiều hơn. Từ đó, góp phần nâng cao mức đóng góp của du lịch đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: hỗ trợ kinh phí để khuyến khích các công ty lữ hành tại các thành phố lớn mở văn phòng giao dịch hoặc chi nhánh tại Bến Tre, với mong muốn các văn phòng/chi nhánh của các công ty đưa tối thiểu 3000 khách du lịch trở lên/năm đến tham quan, du lịch và lưu trú tại các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa: 100.000.000 đồng/ văn phòng giao dịch hoặc chi nhánh

4.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các công ty lữ hành tại các thành phố lớn mở văn phòng giao dịch hoặc chi nhánh tại Bến Tre, lượng khách đến Bến Tre ổn định và tăng chi tiêu của du khách thông qua hoạt động lưu trú, sử dụng dịch vụ; góp phần phục hồi và phát triển hoạt động du lịch. Nâng cao tỷ trọng đóng góp của ngành du lịch vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí mở văn phòng giao dịch hoặc chi nhánh của doanh nghiệp lữ hành thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Chính sách 5: Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch gắn với tham quan vườn cây giống, hoa kiểng hoặc vườn cây ăn trái hoặc sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc gắn với sản xuất làng nghề, làng nghề truyền thống

5.1. Xác định vấn đề bất cập: hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có trên 50 điểm đến tham quan du lịch. Tuy nhiên, một số các điểm tham quan du lịch này còn hoạt động riêng lẻ, chỉ phát triển sản phẩm dịch vụ đơn thuần, chưa chủ động gắn kết để phát triển và nâng cao chuỗi sản phẩm dịch vụ địa phương (hoa kiểng Chợ Lách, sản phẩm OCOP, làng nghề…), còn trông chờ vào các công ty lữ hành. Số lượng điểm du lịch được công nhận theo Luật Du lịch 2017 còn quá khiêm tốn (02/50 điểm).

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân nhằm khuyến khích, nâng cao số lượng và chuẩn hóa số điểm du lịch được công nhận theo quy định Luật Du lịch 2017.

- Khai thác phát huy lợi thế tài nguyên bản địa (vườn cây trái, hoa kiểng, sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề…) gắn với phát triển du lịch.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa: 50 triệu đồng/điểm

5.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh (điểm du lịch gắn với tham quan vườn cây giống, hoa kiểng hoặc vườn cây ăn trái hoặc sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc gắn với sản xuất làng nghề, làng nghề truyền thống) được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư và phát triển sản phẩm phục vụ khách du lịch; góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí cho điểm du lịch được công nhận theo Luật Du lịch gắn với tham quan vườn cây giống, hoa kiểng hoặc vườn cây ăn trái hoặc sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc gắn với sản xuất làng nghề, làng nghề truyền thống thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Chính sách 6: Chính sách hỗ trợ nâng cấp, đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng phức hợp được xếp hạng theo tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch

6.1. Xác định vấn đề bất cập*:* Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có trên 90 cơ sở lưu trú du lịch. Trong đó số lượng cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng sao còn rất ít (09/90 cơ sở lưu trú du lịch). Do vậy, khi chính sách được ban hành sẽ góp phần tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, nâng cấp quy mô, số phòng, trang thiết bị cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ để được xếp hạng sao đối với cơ sở lưu trú du lịch. Từ đó, đáp ứng như cầu của sự phát triển và nâng cao vị thế ngành du lịch Bến Tre so với các tỉnh, thành trên cả nước

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây mới nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú tại đơn vị để nâng hạng từ 3 sao trở lên.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa: Chỉ hỗ trợ 01 lần/khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng

* Nâng cấp để được xếp hạng sao (từ 01 sao đến 5 sao):

+ Đối với cơ sở lưu trú du lịch nâng cấp lên đến 02 sao: hỗ trợ 10%/tổng mức nâng cấp cơ sở (không quá 100 triệu đồng/cơ sở).

+ Đối với cơ sở lưu trú du lịch nâng cấp từ 3 sao lên đến 05 sao: hỗ trợ 10%/tổng mức nâng cấp cơ sở (không quá 300 triệu đồng/cơ sở).

* Xây mới

+ Đối với loại hình khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng phức hợp đạt tiêu chuẩn hạng 3 sao được hỗ trợ 20 triệu đồng/phòng, tối đa không quá 01 tỷ đồng/cơ sở

+ Đối với loại hình khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng phức hợp đạt tiêu chuẩn hạng 4 sao được hỗ trợ 25 triệu đồng/phòng, tối đa không quá 02 tỷ đồng/cơ sở.

+ Đối với loại hình khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng phức hợp đạt tiêu chuẩn hạng 5 sao được hỗ trợ 30 triệu đồng/phòng, tối đa không quá 03 tỷ đồng/cơ sở.

6.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh (cơ sở lưu trú du lịch) được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư, nâng cấp và phát triển nâng hạng hoặc xếp hạng từ 3 sao trở lên; góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng phức hợp được xếp hạng theo tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Chính sách 7: Chính sách hỗ trợ nâng cấp, đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phục vụ du lịch

7.1. Xác định vấn đề bất cập: nhằm khai thác phát huy lợi thế sinh thái sông nước xứ Dừa, phát triển các tuyến điểm du lịch đường sông, các tổ chức, cá nhân đã quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng bến thủy nội địa để đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch. Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 30 bến thủy nội địa phục vụ du lịch đã được cấp phép hoạt động theo quy định (trong đó có: 11 bến thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Đườngthủy nội địa khu vực 3, 19 bến thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Bến Tre). Ngoài ra, còn khoảng trên 30 bến thủy nội địa quy mô nhỏ nằm trên các nhánh sông rạch để phục vụ phát triển dịch vụ đò chèo. Các bến này được xây dựng khá đơn giản, chưa đảm bảo an toàn và tính mỹ quan trong phát triển du lịch của tỉnh.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: nâng cấp, đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phục vụ khách du lịch đảm bảo có khu vực cho phương tiện thủy neo, đậu, đón, trả

khách, được cấp có thẩm quyền cấp phép mở bến theo quy định; có kết nối với khu du lịch, điểm du lịch.

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa:

+ Nâng cấp: hỗ trợ 10%/ tổng mức nâng cấp bến (không quá 30 triệu đồng/bến)

+ Đầu tư xây mới: hỗ trợ 10%/ tổng mức đầu tư bến (không quá 100 triệu đồng/bến).

7.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh (các cơ sở có đầu tư hoạt động bến thủy nội địa phục vụ du lịch) được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư, nâng cấp và phát triển các bến thủy nội địa phục vụ du lịch; góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí nâng cấp, đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phục vụ du lịch thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Chính sách 8: Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch

8.1. Xác định vấn đề bất cập*:* nhằm khai thác phát huy lợi thế sinh thái sông nước xứ Dừa, phát triển các tuyến điểm du lịch đường sông, các tổ chức, cá nhân đã quan tâm đầu tư trang bị các phương tiện thủy nôi địa để đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch. Trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay có khoảng trên 160 phương tiện thủy nội địa phục vụ khách du lịch (trong đó có: 82 phương tiện thủy nội địa được cấp biển hiệu phục vụ khách du lịch, còn lại là các phương tiện đò chèo và một số ít các phương tiện thủy nội địa phục vụ khách du lịch trên các sông Tiền, sông Bến Tre chưa được cấp biển hiệu phục vụ khách du lịch theo quy định).

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: đầu tư mua sắm phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn kinh doanh và được cơ quan có thẩm quyền cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định hiện hành.

8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

* Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

* Mức hỗ trợ tối đa:

- Đối với phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch có gắn động cơ

(tàu du lịch)

+ Đối với phương tiện từ 50 ghế trở lên: hỗ trợ 10%/tổng mức đầu tư phương tiện (không quá 40 triệu đồng/tàu).

+ Đối với phương tiện từ 30 ghế đến dưới 50 ghế: hỗ trợ 10%/tổng mức đầu tư phương tiện (không quá 30 triệu đồng/tàu).

+ Đối với phương tiện từ 20 ghế đến dưới 30 ghế: hỗ trợ 10%/tổng mức đầu tư phương tiện (không quá 20 triệu đồng/tàu).

+ Đối với phương tiện từ dưới 20 ghế: hỗ trợ 10%/tổng mức đầu tư phương tiện (không quá 10 triệu đồng/tàu).

- Đối với phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch không có gắn động cơ, phục vụ từ 10 khách trở xuống (đò chèo): Mức hỗ trợ tối đa: 20% tổng mức đầu tư phương tiện (không quá 02 triệu đồng/phương tiện)

8.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh (đầu tư phương tiện thủy nội địa phục vụ du lịch) được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư và phát triển sản phẩm phục vụ khách du lịch; góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí đối với phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

9. Chính sách 9: Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với phương tiện vận chuyển khách du lịch bằng đường bộ

9.1. Xác định vấn đề bất cập: việc đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch đường bộ sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường (điện) là một trong những giải pháp phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường, tạo nên sản phẩm du lịch ấn tượng, văn minh đối với du khách. Thời gian qua, tỉnh Bến Tre là một trong số ít các địa phương đã được Bộ ngành Trung ương quan tâm cho thực hiện thí điểm hoạt động xe điện tham gia giao thông phục vụ khách du lịch. Toàn tỉnh hiện nay có 05 đơn vị kinh doanh du lịch có xe điện phục vụ khách du lịch. Trong đó, có 03 đơn vị đã hoàn thiện các thủ tục theo quy định và được phép vận hành các phương tiện xe điện tham gia giao thông trên một số tuyến đường hạn chế trên địa bàn tỉnh với 03 phương tiện xe điện. Việc ban hành chính sách tạo vốn mồi, tạo động lực để doanh nghiệp đầu tư trang bị xe điện đảm bảo điều kiện hoạt động, góp phần phát triển chương trình du lịch hiện đại, thân thiện với môi trường, nhất là khai thác hiệu quả tuyến du lịch nội ô thành phố Bến Tre.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch đường bộ là phương tiện mới, sử dụng năng lượng thân thiện với môi

trường (điện), hình thành đội xe (ít nhất từ 03 xe trở lên), có tuyến và lịch trình hoạt động, phục vụ nhu cầu di chuyển của khách giữa các điểm du lịch cụ thể; đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn kinh doanh và được cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định.

9.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa: Tối đa 10% trên tổng mức đầu tư mua sắm phương tiện (không quá 40 triệu đồng/phương tiện).

9.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phương tiện vận chuyển khách du lịch đường bộ được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư, nâng cấp và phát triển sản phẩm phục vụ khách du lịch; góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí đối với phương tiện vận chuyển khách du lịch bằng đường bộ thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

10. Chính sách 10: Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí phục vụ phát triển kinh tế ban đêm

10.1. Xác định vấn đề bất cập: việc xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí phục vụ phát triển kinh tế ban đêm góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng trong phát triển sản phẩm du lịch địa phương. Đây là một trong những sản phẩm thu hút và tăng chi tiêu của du khách khi đến Bến Tre. Tuy nhiên, loại hình này trên địa bàn tỉnh còn ít và hoạt động đơn điệu, ẩm thực và các mặt hàng phục vụ mua sắm chưa mang nét đặc trưng của xứ dừa Bến Tre, chưa thật sự hấp dẫn, thu hút và đáp ứng yêu cầu của khách du lịch.

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: đầu tư xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí phục vụ phát triển kinh tế ban đêm (phục vụ khách cả ngày và đêm), được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đầu tư và được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định hiện hành; quy mô đầu tư tối thiểu từ 10 tỷ trở lên.

10.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa: 10% trên tổng mức đầu tư (không quá 01 tỷ đồng/dự án).

10.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động

trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí theo mô hình kinh tế ban đêm được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư, nâng cấp và phát triển sản phẩm phục vụ khách du lịch; góp phần triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển kinh tế ban đêm và phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

10.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí phục vụ phát triển kinh tế ban đêm thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

11. Chính sách 11: Chính sách hỗ trợ chi phí cho mỗi doanh nghiệp tham gia hoạt động triển lãm, hội chợ du lịch trong và ngoài nước

11.1. Xác định vấn đề bất cập: hoạt động thông tin, xúc tiến quảng bá du lịch trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua được đặc biệt chú trọng. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần giới thiệu hình ảnh du lịch xứ dừa đến với du khách trong và ngoài nước. Tuy nhiên, các hoạt động, sự kiện truyền thông xúc tiến bá du lịch trong và ngoài nước phần lớn do cơ quan nhà nước tham gia. Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh có quan tâm nhưng chưa chủ động và trực tiếp tham gia.

11.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: hỗ trợ chi phí cho mỗi doanh nghiệp tham gia hoạt động triển lãm, hội chợ du lịch trong và ngoài nước.

11.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa: 30% chi phí thuê mặt bằng cho gian hàng tiêu chuẩn (không quá 30 triệu đồng/gian hàng).

11.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động triển lãm, hội chợ du lịch trong và ngoài nước được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục phát huy nội lực doanh nghiệp du lịch trong công tác thông tin, xúc tiến quảng bá hình ảnh du lịch địa phương; góp phần phục hồi và phát triển hoạt động du lịch.

11.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí tham gia hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch trong và ngoài nước thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

12. Chính sách 12: Chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao chất lượng

nguồn nhân lực du lịch

12.1. Xác định vấn đề bất cập: việc đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch của tỉnh trong thời gian qua luôn được quan tâm, chú trọng và thực hiện thường xuyên (trung bình tổ chức 5 - 8 lớp đào tạo, bồi dưỡng/năm). Tuy nhiên, đội ngũ nhân viên được chủ cơ sở hoạt động kinh doanh du lịch đưa đi hoặc tự đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành và được cấp giấy chứng nhận của cơ sở đào tạo theo quy định còn rất ít, chủ yếu được tập huấn, bồi dưỡng ngắn ngày nên chất lượng nguồn nhân lực mặc dù có được nâng lên nhưng chưa thực sự đạt chuẩn, chưa tạo được sự gắn bó và hoạt động lâu dài của đội ngũ nhân viên tại đơn vị. Từ đó, thiếu đội ngũ nhân viên phục vụ chuyên nghiệp, lành nghề và tận tâm với ngành, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động du lịch tỉnh nhà.

12.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: hỗ trợ cho đối tượng là các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch (lữ hành, lưu trú du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch) tự đào tạo hoặc phối hợp cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo, nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên tại đơn vị.

12.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp một lần.

- Mức hỗ trợ tối đa: 20% chi phí đào tạo (không quá 20 triệu đồng/1 lần)

12.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: chính sách được ban hành, áp dụng sẽ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; tạo động lực, khuyến khích lực lượng lao động gắn bó lâu dài tại các đơn vị kinh doanh du lịch được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch chuyên nghiệp, hiện đại; góp phần phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2030.

12.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề): thẩm quyền giải quyết vấn đề hỗ trợ kinh phí đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh. Hình thức giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

1. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bến Tre và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

2. Lấy ý kiến của các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

3. Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách: Hiệp hội du lịch, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân đang tham gia hoạt động loại hình du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

4. Lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu ý kiến góp ý để hoàn thiện

đề nghị xây dựng nghị quyết.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

V. PHỤ LỤC

Kèm bảng dự trù kinh phí thực hiện chính sách./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp;
- GĐ Sở (báo cáo);
- PGĐ Sở (để biết);
- Thành viên Tổ soạn thảo;
- Phòng KHTC;
- VP Sở;
- TTTTXTDL;
- Lưu: VT, QLDL.

(biết)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH BẾN TRE

Nguyễn Thị Ngọc Dung